

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 3
01/7/2019

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

1. Thực trạng thi hành Luật Điện ảnh

Luật Điện ảnh được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 (sau đây gọi là Luật Điện ảnh).

Việc Quốc hội thông qua và ban hành Luật Điện ảnh - Luật đầu tiên trong lĩnh vực nghệ thuật - thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối sự nghiệp phát triển điện ảnh dân tộc, tạo cơ sở pháp lý để phát triển điện ảnh Việt Nam theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng được nhu cầu phát triển và hội nhập của điện ảnh nước nhà và nguyện vọng của các nghệ sĩ cũng như những người làm công tác điện ảnh.

Sau khi Luật Điện ảnh được ban hành và có hiệu lực thi hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thi hành Luật. Qua 12 năm triển khai và thi hành Luật Điện ảnh cho thấy việc ban hành Luật Điện ảnh là cần thiết nhằm thể chế hóa hoạt động điện ảnh trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; điều chỉnh các quan hệ xã hội có liên quan đến điện ảnh; tạo cơ sở pháp lý trong việc ban hành các cơ chế, chính sách phát triển điện ảnh.

a) Ưu điểm

Việc ra đời Luật Điện ảnh đã có nhiều tác động tích cực và hiệu quả đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước và sự phát triển của ngành Điện ảnh, thể hiện ở những điểm cơ bản như:

Thứ nhất, các quy định pháp luật tạo điều kiện cho phát triển, mở rộng kinh doanh điện ảnh, tăng cường và mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế, hội nhập về điện ảnh, thu hút và tập trung các nguồn lực trong nước đầu tư và mở rộng thị trường điện ảnh Việt Nam.

Thứ hai, Luật Điện ảnh đã tạo hành lang pháp lý, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động điện ảnh, phát huy hiệu quả của chính sách xã hội hóa các hoạt động điện ảnh. Các doanh nghiệp sản xuất phim bằng nguồn vốn xã hội hóa đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao sản lượng và chất lượng phim Việt Nam, tạo ra 50% - 60% tổng sản lượng phim được sản xuất trong cả nước.

Thứ ba, Luật Điện ảnh đã tạo bước chuyển biến trong hoạt động phát hành, phổ biến phim, đưa hoạt động này dần đi vào nền nếp, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức điện ảnh của nhân dân. Tính đến tháng 12 năm 2018, cả nước có 180 rạp/cụm rạp với số lượng phòng chiếu phim trong cả nước khoảng 930 phòng chiếu, số lượng ghế ngồi khoảng 130.000 ghế, vượt chỉ tiêu ghi trong “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Trong đó, số phòng chiếu thuộc thành phần kinh tế nhà nước chiếm 20%, thành phần tư nhân chiếm 80%. Công tác thẩm định, cấp Giấy phép phổ biến phim đã được thực hiện nghiêm túc. Công tác chiếu phim ở các địa phương chủ yếu vẫn là hoạt động chiếu phim lưu động. Đến tháng 12 năm 2018, cả nước có 265 đội chiếu phim lưu động, trung bình hàng năm các đội chiếu phim lưu động ở các địa phương đã phục vụ được khoảng 43.270 buổi chiếu với khoảng 9.020.000 lượt người xem.

Thứ tư, Luật Điện ảnh đã tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức, tham gia Liên hoan Phim, Hội chợ phim thực hiện có hiệu quả, tính chuyên nghiệp ngày càng được nâng cao. Việt Nam đã tổ chức thành công các kỳ Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội; tham gia 148 Liên hoan Phim quốc tế với 330 lượt đầu phim; tổ chức 48 Chương trình giới thiệu phim Việt Nam ra nước ngoài, với 186 lượt đầu phim; tổ chức thực hiện hợp tác, cung cấp dịch vụ cho khoảng 280 dự án sản xuất phim có yếu tố nước ngoài thực hiện tại Việt Nam; tổ chức nhiều sự kiện điện ảnh trong nước và ở nước ngoài để quảng bá hình ảnh đất nước, con người, bản sắc văn hóa Việt Nam và quảng bá điểm đến du lịch của Việt Nam.

Thứ năm, Luật Điện ảnh đã góp phần luật hóa các quy định của điều ước quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, thúc đẩy giao lưu, hợp tác điện ảnh giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế nói chung và trong lĩnh vực điện ảnh nói riêng.

b) Tồn tại, bất cập

Bên cạnh những tác động tích cực nêu trên, quá trình triển khai Luật Điện ảnh đã bộc lộ quy định chưa phù hợp với thực tế hoặc thay đổi của hoạt động điện ảnh nên không có tính khả thi hoặc tính khả thi không cao, cụ thể:

Một là, một số quy định của Luật Điện ảnh chưa thể hiện đầy đủ tính chất đặc thù của hoạt động điện ảnh và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, ví dụ như:

quy định về đặt hàng sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước thông qua đấu thầu; quy định về tổ chức Liên hoan Phim quốc gia, Liên hoan Phim quốc tế; quy định về chất liệu lưu chiếu, lưu trữ phim.

Hai là, một số chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh quy định tại Luật Điện ảnh chưa có tính khả thi, chưa được thực hiện nghiêm túc như chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động điện ảnh, chính sách đặc thù đối với các Đội chiếu phim lưu động; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh. Chính sách tài trợ cho việc phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu vùng xa, thiếu nhi, phục vụ nhiệm vụ chính trị trên thực tế chưa được thực hiện triệt để do chưa có nguồn kinh phí..

Ba là, việc soạn thảo Đề án xây dựng Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh (quy định tại Điều 6 Luật Điện ảnh) đã được tiến hành từ năm 2010. Trong quá trình xây dựng đề án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hai lần trình Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, cho đến nay, Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh vẫn chưa được thành lập, lý do chính là chưa xác định nguồn thu ổn định hợp pháp để đảm bảo hoạt động của Quỹ.

Bốn là, việc quy định đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp hiện tại không còn phù hợp với thực tiễn và các văn bản pháp luật có liên quan.

Năm là, một số quy định của Luật Điện ảnh sau 12 năm chưa thực hiện trong thực tế do chưa nhận được hồ sơ nào hoặc nhận được nhưng không đáp ứng đủ quy định của Luật Điện ảnh như quy định về việc đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài hoặc quy định về văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam.

Sáu là, việc quy định doanh nghiệp phát hành phim, doanh nghiệp khác có đăng ký kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phim phải có rạp chiếu phim để tham gia phổ biến phim không còn phù hợp. Quy định này cho phép một công ty thực hiện đồng thời hai chức năng vừa phát hành vừa phổ biến phim, dẫn đến công ty nhập khẩu mạnh có hệ thống rạp lớn đã chi phối thị trường chiếu phim, thống lĩnh thị trường và thể hiện sự cạnh tranh không lành mạnh, chèn ép công ty nhỏ, yếu hơn.

Bảy là, một số hành vi vi phạm về phát hành phim, phổ biến phim, lưu trữ phim, nhân bản và tàng trữ phim,... quy định tại Luật Điện ảnh không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, mức xử phạt còn thấp, chưa bảo đảm tính răn đe.

Tám là, quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị tổ chức các Liên hoan Phim quốc gia và quốc tế cũng như cấp phép cho các hoạt động giới thiệu phim Việt Nam tại nước ngoài chưa phù hợp với tình hình mới khi Nhà nước có chủ trương tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công, sử dụng cơ chế thị trường trong việc cung cấp dịch vụ công.

Chín là, một số quy định của Luật Điện ảnh chưa tương thích hoặc chồng chéo với các luật, bộ luật mới được ban hành như quy định về “*Bảo hộ quyền tác*

giả, quyền sở hữu tác phẩm” (quy định tại Điều 7 Luật Điện ảnh) đã được điều chỉnh tại Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ; quy định về *“Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện ảnh”* (quy định tại Điều 7 Luật Điện ảnh) đã được điều chỉnh tại Luật Khiếu nại (2011) và Luật Tố cáo (2011); quy định về *“doanh nghiệp điện ảnh”* (quy định tại Chương II và Chương III của Luật Điện ảnh) chưa tương thích với các quy định của Luật Doanh nghiệp (2014) và Luật Đầu tư (2014).

2. Sự phát triển của khoa học công nghệ trong công nghiệp điện ảnh

Sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và công nghệ số hóa của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 trong điện ảnh thế giới đã làm cho một số quy định của Luật Điện ảnh vốn được ban hành năm 2006 và 2009 trở nên lạc hậu, không còn phù hợp.

Các quy định của Luật Điện ảnh chưa theo kịp những tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, phát hành và phổ biến phim. Trong khi, công nghiệp điện ảnh đã chuyển đổi hoàn toàn sang công nghệ số, thì một số quy định của Luật Điện ảnh vẫn đang điều chỉnh việc sản xuất, phát hành và phổ biến phim theo công nghệ phim nhựa 35mm hoặc video (Betacam hoặc VHS); chưa phân định rõ trách nhiệm quản lý phát hành và phổ biến phim trong môi trường số hóa, qua vệ tinh, trên internet và các phương tiện truyền thông khác. Luật Điện ảnh chưa quy định việc lưu trữ, sử dụng, khai thác với mục đích bảo quản, nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục đối với phim dạng số.

3. Quy định của Luật Điện ảnh còn thiếu, chưa theo kịp được các chủ trương, chính sách mới của Đảng, hệ thống văn bản pháp luật mới ban hành và các Hiệp định thương mại mà Việt Nam mới ký kết

Các quy định của Luật Điện ảnh cần tương thích với chủ trương, chính sách mới của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09 tháng 6 năm 2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI), các bộ luật, luật mới được ban hành, các Hiệp định thương mại mà Việt Nam mới ký kết song phương hoặc đa phương với các tổ chức quốc tế hoặc các quốc gia khác.

Nhiều bộ luật mới có liên quan đến điện ảnh được ban hành, nhiều Hiệp định thương mại có liên quan đến điện ảnh được nước ta ký kết. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề bất cập nảy sinh trong hoạt động điện ảnh cần phải được điều chỉnh và quy định ổn định lâu dài trong Luật.

Do Luật Điện ảnh đã được ban hành cách đây 12 năm nên chưa điều chỉnh hết mọi vấn đề phát sinh trong thực tiễn hiện nay, cụ thể:

- Luật Điện ảnh chưa quy định cơ chế nhằm thu hút đầu tư, ưu đãi đoàn làm phim nước ngoài quay phim tại Việt Nam (incentive). Vì vậy việc đầu tư cho sản xuất phim, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng điện ảnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Các quy định của Luật Điện ảnh chưa theo kịp những tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, phát hành và phổ biến phim.

- Luật Điện ảnh chưa đề cập đến quản lý phổ biến phim phát qua vệ tinh, trên internet và các phương tiện truyền thông khác đối với các nhà phát hành có máy chủ đặt tại Việt Nam. Luật Điện ảnh cũng chưa đề cập đến việc quản lý đối với những phim được phát hành và phổ biến trên internet, cho các thuê bao tại Việt Nam từ những nhà phát hành đặt máy chủ tại nước ngoài.

Vì vậy, cần thiết xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi) thay thế Luật Điện ảnh nhằm khắc phục những bất cập, đồng thời bổ sung những vấn đề mới phát sinh cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, góp phần tạo hành lang pháp lý thông thoáng, góp phần thúc đẩy phát triển nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phù hợp với xu thế đổi mới và tăng cường hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Thể chế hóa đầy đủ, triệt để chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và pháp luật của Nhà nước, nhằm xây dựng nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với quy luật của kinh tế thị trường trong tổng thể phát triển của văn hóa - xã hội, đảm bảo tính minh bạch và có tính khả thi cao, tương thích với các bộ luật, luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, hiện thực hóa thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09 tháng 6 năm 2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI).

Thứ hai, thực thi Hiến pháp và đồng bộ với các luật mới ban hành và các Hiệp định thương mại Việt Nam mới ký kết với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác.

Thứ ba, thiết lập cơ chế pháp lý nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

Thứ tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ số trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ năm, tạo hành lang pháp lý để phát triển điện ảnh dân tộc, vừa phát huy được tính chủ động của các doanh nghiệp điện ảnh, vừa đảm bảo và nâng cao tính cạnh tranh lành mạnh trong kinh doanh điện ảnh.

Thứ sáu, phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, phát huy hiệu quả việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới thông qua điện ảnh và góp phần quảng bá điểm đến du lịch.

2. Quan điểm xây dựng

Thứ nhất, Luật Điện ảnh (sửa đổi) phải có nội dung phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực văn hoá... thể hiện trong các nghị quyết của Đảng. Phù hợp với các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam, tính phù hợp của pháp luật thể hiện sự tương quan với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở mỗi thời kỳ phát triển, phản ánh đúng trình độ phát triển của nền kinh tế - xã hội của đất nước. Một trong các giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật về điện ảnh nói riêng là phải bảo đảm các quy định của luật phải cụ thể, dễ hiểu để giảm bớt tình trạng có quá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định về điện ảnh phải đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, cụ thể, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thẩm quyền của mình trong quản lý và nhân dân trong quá trình thụ hưởng các quyền văn hoá được hiến pháp ghi nhận.

Thứ hai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp giữa các cam kết quốc tế và tình hình thực tế.

Thứ ba, tiếp thu và giữ nguyên các quy định còn phù hợp của Luật Điện ảnh; sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập, hạn chế của Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi, tạo cơ sở và khung pháp luật cần thiết cho hoạt động điện ảnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Điện ảnh quy định về tổ chức và hoạt động điện ảnh; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

2. Đối tượng áp dụng

Luật Điện ảnh áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

Nhà nước đầu tư xây dựng và phát triển nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước thông qua 05 chính sách sau:

1. Chính sách 1: Khuyến khích, thu hút tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Loại bỏ những quy định không cần thiết, không phù hợp với thực tiễn và quy định của các Luật khác có liên quan.
- Xây dựng những quy định mới để tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp điện ảnh có điều kiện phát triển và cạnh tranh lành mạnh.
- Hướng đến đúng mục tiêu của quản lý nhà nước về hoạt động điện ảnh là quản lý sản phẩm “đầu ra” và “hậu kiểm”, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở điện ảnh.

1.2. Nội dung chính sách

Nhà nước khuyến khích, thu hút mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh khi thành lập cơ sở điện ảnh sản xuất phim, mở văn phòng đại diện điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài; tạo điều kiện bình đẳng để không chỉ các doanh nghiệp mà cả các đơn vị sự nghiệp có chức năng hoạt động điện ảnh có quyền nhập khẩu, phát hành phim; hỗ trợ, khuyến khích đào tạo nhân lực ngành điện ảnh.

1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

1.3.1. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim trong Luật Điện ảnh

Lý do lựa chọn:

Mở rộng cơ hội làm phim cho các tổ chức, cá nhân, góp phần tăng cường sáng tạo nghệ thuật; tăng số lượng phim Việt Nam, sẽ dần nâng cao chất lượng phim. Tạo môi trường thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất phim. Nhà nước tiến hành “hậu kiểm”, quản lý “đầu ra”.

1.3.2. Bãi bỏ các quy định về việc chấp thuận đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài

Lý do lựa chọn:

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường, quảng bá hoạt động điện ảnh, phát triển kinh doanh ra nước ngoài. Việc thành lập tuân theo pháp luật chung về doanh nghiệp, các hoạt động chuyên ngành điện ảnh được điều chỉnh theo quy định của Luật Điện ảnh và pháp luật khác có liên quan, phù hợp với các Hiệp định, Hiệp ước và Cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên.

1.3.3. Bãi bỏ quy định doanh nghiệp nhập khẩu phim phải có rạp chiếu phim, quy định mở rộng đơn vị sự nghiệp có chức năng hoạt động điện ảnh được nhập khẩu và phát hành phim

Lý do lựa chọn:

Việc bỏ quy định doanh nghiệp nhập khẩu phim phải có rạp tạo điều kiện bình đẳng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát hành - phổ biến phim, khuyến khích các doanh nghiệp cùng tham gia hoạt động. Mở rộng quy định để đơn vị sự nghiệp có chức năng hoạt động điện ảnh được nhập khẩu và phát hành phim. Khi có nhiều doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tham gia trong lĩnh vực nhập khẩu phim sẽ tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tránh tình trạng thống lĩnh thị trường của các doanh nghiệp lớn chèn ép các doanh nghiệp nhỏ; phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.3.4. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và từ nguồn xã hội hóa nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo trình và cải tiến phương pháp giảng dạy tại các trường điện ảnh quốc gia; cử sinh viên xuất sắc đi đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn về nghệ thuật, kỹ thuật, quản lý sản xuất, phát hành, phổ biến phim ở các nước có nền điện ảnh phát triển

Lý do lựa chọn:

- Công nghệ sản xuất, phát hành, phổ biến phim trên thế giới đã và đang phát triển nhanh chóng, ngày càng hiện đại, đòi hỏi phải đổi mới giáo trình, cải tiến phương pháp giảng dạy mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với xu thế thay đổi; phát triển công nghệ, để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng ngay được kiến thức đã được đào tạo trong các hoạt động điện ảnh.

- Khuyến khích phát hiện và phát triển tài năng về nghệ thuật, kỹ thuật, quản lý sản xuất, phát hành, phổ biến phim, xây dựng đội ngũ nòng cốt trong sự nghiệp phát triển điện ảnh dân tộc ngang hàng với điện ảnh khu vực và thế giới.

1.3.5. Xây dựng chính sách ưu đãi (incentive) cho các đoàn làm phim vào thực hiện các dự án sản xuất phim tại Việt Nam

Lý do lựa chọn:

Đây là giải pháp có phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế, việc thực hiện có hiệu quả chính sách này sẽ góp phần bảo vệ và hỗ trợ phát triển điện ảnh Việt Nam trước sự cạnh tranh mạnh mẽ trong công nghiệp điện ảnh của thế giới, đồng thời tăng cường hội nhập và hỗ trợ xúc tiến du lịch, một trong những ngành kinh tế mũi nhọn hiện nay.

2. Chính sách 2: Đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước

2.1. Mục tiêu của chính sách

Thay đổi quy định về đề tài, thể loại phim được Nhà nước đặt hàng sản xuất, thay đổi quy định về phương thức Nhà nước đặt hàng sản xuất phim và quy trình lựa chọn dự án sản xuất phim để Nhà nước đặt hàng.

2.2. Nội dung chính sách

- Mở rộng nhóm đề tài phim được Nhà nước đặt hàng sản xuất về lãnh tụ, chiến tranh cách mạng, giữ gìn văn hóa truyền thống.

- Nhà nước đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước theo quy trình do Chính phủ quy định. Theo đó, chủ đầu tư thực hiện việc đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước theo quy trình được xây dựng tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.3. Các giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

Xây dựng quy định mới tại Luật Điện ảnh (sửa đổi), theo đó mở rộng nhóm đề tài và thay đổi phương thức của Nhà nước đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước không qua đấu thầu.

Lý do lựa chọn:

- Với việc quy định mở rộng đề tài và quy định quy trình thực hiện việc đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước sẽ phát huy tiềm năng sáng tạo của nghệ sĩ để sản xuất nhiều bộ phim có giá trị nội dung, nghệ thuật, kỹ thuật, tạo thêm việc làm và thu nhập cho nghệ sĩ, nhân viên kỹ thuật và người lao động trong lĩnh vực sản xuất phim.

- Việc quy định đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là phù hợp với đặc thù của sản xuất một tác phẩm điện ảnh, phù hợp với kinh nghiệm thế giới. Từ khi Luật Điện ảnh có hiệu lực thi hành đến nay, chưa có dự án sản xuất phim nào sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo phương thức đấu thầu. Việc đặt hàng sản xuất phim trong suốt thời gian qua tạm thời thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Từ năm 2013, việc đặt hàng sản xuất phim bị gián đoạn và chuyển sang thực hiện theo Quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ. Số lượng phim truyện Nhà nước đặt hàng bị giảm dần. Giai đoạn 2015 đến 2017 chỉ có 03 phim truyện được Nhà nước đặt hàng. Việc chỉ có ít phim truyện đặt hàng bằng nguồn ngân sách nhà nước, gây ảnh hưởng đến việc định hướng sáng tác, tuyên truyền, giáo dục chính sách của Đảng và Nhà nước, tổ chức sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa trong các dịp kỷ niệm.

Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 của Luật Đấu thầu. Theo đó, tại khoản 16 Điều 3 Quyết định quy định “gói thầu hợp tác, sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao” nằm trong “Danh mục các gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt”. Tuy nhiên, Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 chỉ là giải pháp tình thế để giải quyết vấn đề cơ sở pháp lý cho việc sản xuất phim đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ nhiệm vụ chính trị trong thời gian chưa sửa thể sửa đổi Luật Điện ảnh.

Bên cạnh đó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1992/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch trong đó có dịch vụ sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ thiếu nhi theo chính sách sản xuất phim đặt hàng hiện hành và

quay tư liệu các sự kiện lớn của đất nước; sản xuất phim truyện video và chương trình băng hình phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; sản xuất phim tài liệu và phóng sự chuyên đề. Theo đó, khi quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được ban hành và áp dụng thì việc lựa chọn kịch bản và nhà sản xuất phim sẽ được áp dụng theo Quyết định số 1992/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017.

3. Chính sách 3: Quản lý phát hành và phổ biến phim

3.1. Quy định số buổi chiếu phim Việt Nam đối với mỗi phòng chiếu

3.1.1. Mục tiêu của chính sách

Việc quy định số buổi chiếu phim Việt Nam đến phòng chiếu phim buộc các doanh nghiệp phổ biến phim phải cân đối lại tỷ lệ chiếu phim Việt Nam và phim nhập khẩu, qua đó tỷ lệ số buổi chiếu phim Việt Nam sẽ được rải đều cho các tháng trong năm và đúng theo quy định vào bất kỳ thời điểm nào, hạn chế việc chiếu phim nhập khẩu, khuyến khích sản xuất phim Việt Nam.

3.1.2. Nội dung của chính sách

Xây dựng quy định về số buổi chiếu quy định số buổi chiếu phim Việt Nam hàng tháng, hàng quý, hàng năm tại mỗi phòng chiếu phim trong hệ thống rạp chiếu phim trên toàn quốc.

3.1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

Đề xuất quy định số buổi chiếu phim Việt Nam đến với mỗi phòng chiếu và tỷ lệ quy định chiếu phim Việt Nam hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Lý do lựa chọn:

Việc quy định số buổi chiếu phim Việt Nam đối với mỗi phòng chiếu tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất phim Việt không phải chịu nhiều áp lực cạnh tranh giữa phim Việt với nhau và với phim “bom tấn” nhập khẩu khi đưa phim ra rạp. Khả năng thu hồi vốn cao khi có những suất chiếu phù hợp; khi đã thu hồi được vốn thì tiếp tục tái sản xuất.

Quy định trên có tác động khuyến khích các doanh nghiệp điện ảnh cùng tham gia hoạt động sản xuất phim; tạo điều kiện bảo hộ sản xuất phim Việt Nam trong điều kiện nhập phim không có hạn ngạch phù hợp với thông lệ quốc tế; tạo điều kiện cho khán giả trong việc lựa chọn xem phim Việt hay phim nước ngoài; thúc đẩy sự phát triển cân bằng giữa thị trường phim nội và phim ngoại.

3.2. Quy định về phổ biến phim trên internet, khai thác phim từ vệ tinh

3.2.1. Mục tiêu của chính sách

Từ năm 2006, khi việc phổ biến phim trên internet, khai thác phim từ vệ tinh chưa phát triển, các doanh nghiệp chỉ hầu như chỉ khai thác những phim sau khi đã được phát hành phổ biến tại rạp lên internet. Đến thời điểm hiện nay khi phát hành

phổ biến phim trên internet là một kênh kinh doanh của doanh nghiệp thì việc quản lý khi có nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý cần được quy định chi tiết hơn.

3.2.2. Nội dung của chính sách

Việc quy định chi tiết về thẩm quyền quản lý của từng cơ quan quản lý Nhà nước góp phần quản lý được nội dung trên mạng internet.

3.2.3. Các giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

Đề xuất quy định chi tiết thẩm quyền quản lý của các cơ quan quản lý Nhà nước, trong đó quy định theo hướng phân cấp quản lý cho Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm quản lý nội dung các phim phát trên internet, phim khai thác từ vệ tinh, do các doanh nghiệp có máy chủ đặt tại Việt Nam và đăng ký kinh doanh tại địa phương phát hành. Quy định Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng các biện pháp kỹ thuật đồng thời bổ sung chế tài trong các văn bản quy phạm pháp luật để kiểm soát việc tuân thủ các quy định về kiểm soát nội dung phim theo hệ thống pháp luật Việt Nam đối với các nhà phát hành có hệ thống máy chủ đặt tại nước ngoài.

Lý do lựa chọn:

Nhà nước kiểm soát nội dung khi doanh nghiệp muốn kinh doanh phim trên internet, khai thác phim từ vệ tinh. Phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành đối với việc quản lý phổ biến phim trên internet.

4. Chính sách 4: Xúc tiến, quảng bá điện ảnh

4.1. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

4.1.1. Mục tiêu của chính sách

Tạo cơ sở pháp lý, nâng cao tính khả thi của việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh để Quỹ được thành lập và hoạt động có hiệu quả.

4.1.2. Nội dung chính sách

Nhà nước ban hành quy định về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh nhằm thực hiện chức năng hỗ trợ tài chính cho các hoạt động sáng tác kịch bản, sản xuất, phổ biến, quảng bá, phát hành phim Việt Nam trong nước và ở nước ngoài. Theo đó, quy định bổ sung đối tượng được nhận hỗ trợ từ và bổ sung quy định về nguồn thu cho Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4.1.3. Các giải pháp lựa chọn chính sách và lý do lựa chọn

Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng được nhận hỗ trợ từ Quỹ; sửa đổi, bổ sung quy định về nguồn vốn hoạt động của Quỹ, theo hướng: bổ sung nguồn thu từ trích tỷ lệ nhất định trên doanh thu chiếu phim tại các rạp và nguồn thu từ phát hành, phổ biến những có sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất, nguồn thu trích từ việc thu phí thẩm định và phân loại phim, phí thẩm định cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, nguồn thu từ việc kinh doanh phát hành phổ biến phim trên internet của các nhà phát hành phim có máy chủ đặt tại Việt Nam và tại nước ngoài.

Lý do lựa chọn:

Việc bổ sung, mở rộng đối tượng được Quỹ hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành điện ảnh sản xuất thêm nhiều tác phẩm điện ảnh nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa và thu hút được sự quan tâm và đồng tình của đông đảo các tầng lớp khán giả trong và ngoài nước, góp phần giảm thiểu những bộ phim hài nhảm, chứa đựng nội dung phản cảm ảnh hưởng đến thị hiếu, thẩm mỹ, cảm xúc của người xem, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người, bản sắc văn hóa dân tộc của quốc gia ra thế giới.

Việc cho phép trích tỷ lệ nhất định trên doanh thu chiếu phim tại các rạp và nguồn thu từ phát hành, phổ biến những có sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất; nguồn thu trích từ việc thu phí thẩm định và phân loại phim, phí thẩm định cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài và nguồn thu từ việc kinh doanh phát hành phổ biến phim trên mạng của các nhà phát hành phim có máy chủ đặt tại Việt Nam và tại nước ngoài là những nguồn thu tiềm năng, ổn định, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế, đảm bảo cho Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh hoạt động có hiệu quả và phát triển lâu dài, bền vững, góp phần quan trọng cho sự phát triển của điện ảnh dân tộc, đồng thời giảm bớt gánh nặng chi ngân sách nhà nước cho phát triển sự nghiệp điện ảnh.

4.2. Xã hội hóa việc tổ chức các sự kiện điện ảnh trong nước và ở nước ngoài

4.2.1. Tổ chức Liên hoan Phim quốc gia, Liên hoan Phim quốc tế tại Việt Nam

4.2.1.1. Mục tiêu của chính sách

Luật Điện ảnh mới chỉ cho phép Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức những Liên hoan Phim quy mô lớn là Liên hoan Phim quốc gia và Liên hoan Phim quốc tế; những Liên hoan Phim nhỏ hơn, mang tính chất chuyên ngành, chuyên đề sẽ do các cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội Điện ảnh Việt Nam tổ chức. Các cá nhân, tổ chức, đoàn thể muốn tổ chức Liên hoan Phim cần liên kết với một đơn vị có thẩm quyền để tổ chức Liên hoan Phim. Quy định này hạn chế việc tổ chức những sự kiện điện ảnh. Vì vậy, cần xã hội hóa việc tổ chức các Liên hoan Phim quốc gia và Liên hoan Phim quốc tế tại Việt Nam.

4.2.1.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung, sửa đổi Luật Điện ảnh nhằm quy định cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép cho các tổ chức, đơn vị có chuyên môn, có năng lực được phép tổ chức và hợp tác tổ chức Liên hoan Phim quốc gia, Liên hoan Phim quốc tế; các Liên hoan Phim chuyên ngành, chuyên đề trình chiếu các tác phẩm điện ảnh trong nước và quốc tế được cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh cho phép tổ chức và chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức các sự kiện điện ảnh đó tuân thủ quy định của Luật Điện ảnh và các luật có liên quan.

4.2.1.3. Các giải pháp lựa chọn chính sách và lý do lựa chọn

Xã hội hóa việc tổ chức các Liên hoan Phim quốc gia và Liên hoan Phim quốc tế tại Việt Nam.

Lý do lựa chọn:

Nhà nước tiết kiệm được một phần chi phí ngân sách để tổ chức Liên hoan Phim quốc gia và Liên hoan Phim quốc tế tại Việt Nam; huy động được nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động điện ảnh này.

4.2.2. Tổ chức Liên hoan Phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài

4.2.1.1. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ và tăng cường các hoạt động quảng bá điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài, tích cực kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa bằng việc giảm thiểu những quy định hạn chế việc tổ chức Liên hoan Phim, Tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

4.2.1.2. Nội dung của chính sách

Bãi bỏ quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép cho các hoạt động tổ chức Liên hoan Phim, Tuần phim Việt Nam tại nước ngoài. Cho phép tổ chức chiếu phim Việt Nam tại nước ngoài với những tác phẩm điện ảnh đã được cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim. Luật hóa việc gắn kết điện ảnh và du lịch nhằm tăng cường sự phối hợp giữa hai ngành kinh tế tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Luật hóa việc bố trí ngân sách quảng bá điện ảnh Việt Nam, đất nước, con người Việt Nam qua các Liên hoan Phim quốc tế, sự kiện điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài.

4.2.1.3. Các giải pháp lựa chọn chính sách và lý do lựa chọn

Bãi bỏ quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép cho các hoạt động tổ chức Liên hoan Phim, Tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

Lý do lựa chọn:

Huy động được các tổ chức, cá nhân tham gia việc tổ chức Liên hoan Phim, Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài, giúp tăng cường hoạt động quảng bá điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài, thúc đẩy quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần quảng bá du lịch; tăng cường vai trò và sự quan tâm đầu tư của Nhà nước đối với hoạt động quảng bá điện ảnh nói riêng và văn hóa nói chung trên trường quốc tế.

5. Chính sách 5: Lưu chiếu, lưu trữ phim

5.1. Mục tiêu của chính sách

Đối với các cơ sở lưu trữ điện ảnh nói chung và cơ sở lưu trữ thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói riêng, mục tiêu quan trọng nhất đó là hoàn thiện bộ sưu tập phim điện ảnh Việt Nam, làm sao đưa được về lưu trữ đầy đủ và đúng thời hạn các phim đã được cấp phép phổ biến hàng năm.

Để hoàn thành được mục tiêu trên cần phải có các căn cứ pháp lý đó là Luật, các Thông tư hướng dẫn dưới luật để làm cơ sở pháp lý cho các đơn vị lưu trữ khi

thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cần có những ràng buộc về trách nhiệm cụ thể giữa đơn vị sản xuất phim và các cơ sở lưu trữ; cần sự quản lý, giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực Điện ảnh để đảm bảo việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định giữa các bên có liên quan.

5.2. Nội dung của chính sách

Sửa đổi các quy định về lưu chiếu, lưu trữ phim theo hướng

+ Về lưu chiếu phim: Các cơ sở sản xuất phim, cơ sở nhập khẩu phim phải nộp một bản lưu chiếu phim tại cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim, yêu cầu mở khóa trước khi nộp lưu chiếu các phim Việt Nam.

Về quy định nộp bản phim lưu chiếu cho cơ sở lưu trữ phim: bỏ quy định này đối với phim nhập khẩu, chỉ đưa về cơ sở lưu trữ phim của Việt Nam.

+ Bổ sung quy định đối với lưu chiếu, lưu trữ phim: Đối với các cơ sở sản xuất phim không tuân thủ các quy định về nộp lưu chiếu, lưu trữ sẽ không được cấp Giấy phép phổ biến cho phim tiếp theo.

5.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

Các cơ sở sản xuất phim, cơ sở nhập khẩu phim phải nộp một bản lưu chiếu phim tại cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim, yêu cầu mở khóa trước khi nộp lưu chiếu các phim Việt Nam. Bỏ quy định nộp bản phim lưu chiếu cho cơ sở lưu trữ phim này đối với phim nhập khẩu, chỉ đưa về cơ sở lưu trữ phim của Việt Nam. Đối với các cơ sở sản xuất phim không tuân thủ các quy định về nộp lưu chiếu, lưu trữ sẽ không được cấp Giấy phép phổ biến cho phim tiếp theo.

Lý do lựa chọn:

Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan lưu trữ có thể nhận bản phim; tạo cơ sở pháp lý để cơ quan lưu trữ phim thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tốt công tác lưu trữ phim và bảo quản đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo công tác nhận lưu chiếu, lưu trữ phim được thực hiện nghiêm túc, hoàn thiện phong lưu trữ điện ảnh quốc gia. Bên cạnh việc phục vụ nhu cầu giải trí của nhân dân tại thời điểm phim được phát hành. Khi đưa phim về cơ sở lưu trữ quốc gia, các tác phẩm điện ảnh sẽ được đảm bảo lưu trữ lâu dài.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI) SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Các nội dung của dự án Luật Điện ảnh (sửa đổi) theo hướng bỏ một số điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các Luật khác.

Việc phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nội dung các phim phát trên internet, phim khai thác từ vệ tinh do các doanh nghiệp có máy chủ đặt tại Việt Nam và đăng ký kinh doanh tại

địa phương phát hành được thực hiện do nguồn nhân lực hiện có của các Ủy ban nhân dân.

Việc quy định Bộ Thông tin và Truyền thông áp dụng các biện pháp kỹ thuật để kiểm soát việc tuân thủ các quy định về kiểm soát nội dung phim theo hệ thống pháp luật Việt Nam đối với các nhà phát hành có hệ thống máy chủ đặt tại nước ngoài do nguồn lực hiện có của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua, về cơ bản các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình thông qua Luật Điện ảnh (sửa đổi) là tháng (theo *Chương trình xây dựng Luật của Chính phủ*) năm 2021.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin gửi kèm theo Tờ trình này Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật bao gồm: (1) Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật Điện ảnh; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi); (3) Đề cương dự thảo Luật Điện ảnh (sửa đổi); (4) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Luật; (5) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Các thành viên Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐA, MA (20).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện